

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 65/2024/HS-PT
Ngày: 20- 9- 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2024/TLPT-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Minh D** do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2024/HS-ST ngày 01-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Bị cáo bị kháng nghị: **Nguyễn Minh D**, sinh năm 1993 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn S** và bà **Nguyễn Thị L**; vợ: **Đinh Thị Bé T** (đã chết); bị cáo **có 01 người con sinh năm 2012**; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 23/QĐ-XPHC ngày 28/3/2016 của Trưởng **Công an thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre** xử phạt số tiền 500.000 đồng về hành vi **sử dụng trái phép chất ma túy**. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 14/QĐ-XPHC ngày 15/11/2017 của Trưởng **Công an xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre** xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi **sử dụng trái phép chất ma túy**. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 162/QĐ-XPHC ngày 29/7/2018 của Trưởng **Công an huyện M, tỉnh Bến Tre** xử phạt số tiền là 1.000.000 đồng về hành vi **sử dụng trái phép chất ma túy**. Tại Quyết định số: 02/QĐ-TA ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre **áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc** thời hạn 12 tháng (chấp hành xong ngày 11/02/2020). Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 23/QĐ-XPVPHC ngày 05/3/2024 của Trưởng **Công an huyện M, tỉnh Bến Tre** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi **sử dụng trái phép chất ma túy**; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 23/02/2024, Tổ tuần tra Công an xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre đang làm nhiệm vụ thì phát hiện Nguyễn Minh D điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 71B2 - 140.91 lưu thông trên Huyện lộ 18, đoạn trên cầu C thuộc ấp G, xã N, huyện M có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe lại kiểm tra. Khi lực lượng Công an đang kiểm tra thì D dùng tay phải lấy từ túi quần phía sau bên phải 01 (một) đoạn ống nhựa màu vàng, sọc trắng được hàn kín hai đầu, bên trong có chứa tinh thể màu trắng bỏ xuống mặt cầu, bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. Kiểm tra trên người của D thu giữ trong túi quần phía sau bên phải 01 (một) đoạn ống nhựa màu xanh, sọc trắng được hàn kín hai đầu, bên trong có chứa tinh thể màu trắng. Kiểm tra xe mô tô biển số kiểm soát 71B2 - 140.91 phát hiện trên rô xe gắn vào cánh bửng bên trái có 01 (một) gói nylon màu trắng, xanh, đen, có chữ A, bên trong chứa 05 (năm) đoạn ống nhựa được hàn kín chứa tinh thể màu trắng. Tiến hành khám xét chỗ ở của D tại ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre tiếp tục thu giữ 01 (một) gói nylon màu trắng, được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp, bên trong chứa tinh thể màu trắng được để trong túi xách màu đen treo trên vách tường;

Tang vật thu giữ gồm có:

- 01 (một) đoạn ống nhựa màu vàng, sọc trắng được hàn kín hai đầu, kích thước 03cm x 1,1cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M, có chữ ký ghi tên Chiêm Minh P, Nguyễn Minh D, Trần Thị N, Phạm Thanh L1 và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã N (thu trong lúc bắt quả tang);

- 01 (một) đoạn ống nhựa màu xanh, sọc trắng được hàn kín hai đầu, kích thước 03cm x 1,1cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1, có chữ ký ghi tên Chiêm M, Nguyễn Minh D, Trần Thị N, Phạm Thanh L1 và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã N (thu trong túi quần phía sau bên phải của D đang mặc);

- 05 (năm) đoạn ống nhựa được hàn kín hai đầu (03 màu vàng sọc trắng, 02 màu xanh sọc trắng) cùng kích thước 2,7cm x 2,3cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2, có chữ ký ghi tên Chiêm M, Nguyễn Minh D, Trần Thị N, Phạm Thanh L1 và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã N (thu trong rô xe biển số 71B2 - 140.91 do D điều khiển);

- 01 (một) gói nylon màu trắng được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp sọc màu xanh, kích thước 2,5cm x 2,3cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3, có chữ ký ghi tên Chiêm M, Nguyễn Minh D, Nguyễn Văn H, Phạm Thanh L1 và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã N (thu tại nơi ở của D);

- 01 (một) xe mô tô, biển số kiểm soát 71B2 - 140.91, loại Sirius, màu đen, số khung: RLCS1FC30EY007554, số máy: 1FC3-007568;

- Tiền Việt Nam: 250.000VNĐ (hai trăm năm mươi ngàn đồng), thu giữ của Nguyễn Minh D;

- 01 (một) điện thoại di động, hiệu Redmi, màu xanh, số IMEI 1: 867469051802923/01, số IMEI 2: 867469051802931/01, gắn sim số 0359731363, thu của bị cáo;

- 01 (một) bao thuốc lá nhãn hiệu JET, bên trong rỗng;

- 01 (một) khẩu trang y tế, màu trắng;

- 01 (một) bật lửa màu trắng;

- 01 (một) ví (bóp) màu đen; bên trong có 04 (bốn) nỏ thủy tinh rỗng, 02 (hai) nắp nhựa (01 màu đỏ, 01 màu đen) có gắn ống nhựa màu xanh;

- 01 (một) hộp giấy màu xanh, bên trong có 10 (mười) ống thủy tinh rỗng;

- 01 (một) túi xách màu đen, nhãn hiệu MOSHOINO;

- 01 (một) gói nylon màu trắng, xanh, đen, kích thước 13cm x 9.5cm, có chữ

A.

* Tại Kết luận giám định số: 137/2024/KL-KTHS ngày 26/02/2024 của **Phòng K Công an tỉnh B**, biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định, xác định:

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu M gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng 0,2182 gam. Khối lượng còn lại sau giám định là 0,1299gam, mẫu vật còn lại và vỏ bao gói được niêm phong trong phong bì số 137/2024-M có chữ ký ghi tên **Chiêm M, Nguyễn Minh D, Phan Trung T1, Nguyễn Ngọc M** và hình dấu tròn màu đỏ của **Phòng K Công an tỉnh B**;

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng 0,2284 gam. Khối lượng còn lại sau giám định là 0,0977gam; mẫu vật còn lại và vỏ bao gói được niêm phong trong phong bì số 137/2024-M1 có chữ ký ghi tên **Chiêm M, Nguyễn Minh D, Phan Trung T1, Nguyễn Ngọc M** và hình dấu tròn màu đỏ của **Phòng K Công an tỉnh B**;

- Tinh thể màu trắng đựng trong 05 (năm) đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng 0,5053 gam. Khối lượng còn lại sau giám định là 0,4249gam; mẫu vật còn lại và vỏ bao gói được niêm phong trong phong bì số 137/2024-M2 có chữ ký ghi tên **Chiêm M, Nguyễn Minh D, Phan Trung T1, Nguyễn Ngọc M** và hình dấu tròn màu đỏ của **Phòng K Công an tỉnh B**;

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng 0,1027 gam. Khối lượng còn lại sau giám định là 0,0494gam; mẫu vật còn lại và vỏ bao gói được niêm phong trong phong bì số 137/2024-M3 có chữ ký ghi tên **Chiêm M, Nguyễn Minh D, Phan Trung T1, Nguyễn Ngọc M** và hình dấu tròn màu đỏ của **Phòng K Công an tỉnh B**.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2024/HS-ST ngày 01-8-2024 của Tòa án

nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh D** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh D** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/8/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 368/QĐ-VKS-P7 kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2024/HS-ST ngày 01-8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng áp dụng điểm b khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh D** và tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Kiểm sát viên giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 368/QĐ-VKS-P7 ngày 21/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo thừa nhận vào ngày 23/02/2024 có mua của người tên **B** 07 đoạn ống nhựa chứa ma túy đá với giá 1.400.000 đồng, trên đường tàng trữ đem về nhà sử dụng thì bị bắt quả tang, được giám định có khối lượng là 0,9519 gam ma túy loại Methamphetamine. Lực lượng Công an cũng tiến hành khám xét nơi ở của bị cáo tiếp tục thu giữ 01 bịch ma túy đá do bị cáo đã mua sử dụng trước đó khoảng 01 tháng, được giám định có khối lượng là 0,1027 gam ma túy loại Methamphetamine. Tổng khối lượng ma túy đã thu giữ của bị cáo là 1,0546 gam loại Methamphetamine. Bị cáo đồng ý với Bản án sơ thẩm, không có ý kiến gì đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 368/QĐ-VKS-P7 ngày 21/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 368/QĐ-VKS-P7 ngày 21/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre trong hạn luật định. Về tội danh: Bản án sơ thẩm tuyên bị cáo **Nguyễn Minh D** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có căn cứ. Tuy nhiên, theo hồ sơ thể hiện ngoài lần bị bắt quả tang ma túy thu giữ 0,9519 gam Methamphetamine, trước đó 01 tháng bị cáo có mua ma túy để sử dụng nhưng chưa hết, lượng ma túy còn lại theo kết quả giám định là 0,1027 gam Methamphetamine. Hai lần tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo độc lập nhau về mặt thời gian và mỗi lần đều đủ định lượng cấu thành theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết định khung “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo là chưa chính xác, nên mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù chưa tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; bảo vệ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 368/QĐ-VKS-P7

ngày 21/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2024/HS-ST ngày 01-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh D** từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận và không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 368/QĐ-VKS-P7 ngày 21/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành trong thời hạn kháng nghị phù hợp với quy định tại Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Để thỏa mãn nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy nên **Nguyễn Minh D** thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 23/02/2024, tại **ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre**; lực lượng Công an phát hiện **D** đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trong người, trên xe mô tô với khối lượng 0,9519 gam ma túy, loại Methamphetamine; tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của **D** tiếp tục thu giữ khối lượng 0,1027 gam ma túy, loại Methamphetamine. Tổng khối lượng chất ma túy được thu giữ là 1,0546 gam ma túy, loại Methamphetamine;

Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào khối lượng chất ma túy mà bị cáo đã tàng trữ trái phép bị thu giữ là 1,0546 gam ma túy, loại Methamphetamine. Đã áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh D** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án; ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

[3] Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 368/QĐ-VKS-P7 ngày 21/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, thấy rằng:

Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với tổng khối lượng 1,0546 gam ma túy, loại Methamphetamine; phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, khối lượng chất ma túy mà bị cáo đã tàng trữ trái phép, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh D** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo

Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên; xét thấy trong tổng khối lượng 1,0546 gam ma túy loại Methamphetamine bị thu giữ thì có khối lượng 0,9519 gam ma túy loại Methamphetamine do bị cáo mới mua vào ngày 23/02/2024, tàng trữ trái phép để sử dụng thì bị thu giữ khi bắt người phạm tội quả tang tại hiện trường; còn lại khối lượng 0,1027 gam ma túy loại Methamphetamine bị thu giữ khi khám xét nơi ở của bị cáo, khối lượng ma túy này do bị cáo mua trước đó cách ngày bị bắt quả tang khoảng 01 tháng để sử dụng và còn dư; khối lượng 0,1027 gam ma túy loại Methamphetamine bị thu giữ khi khám xét nơi ở của bị cáo là hoàn toàn độc lập so với khối lượng 0,9519 gam ma túy loại Methamphetamine bị thu giữ tại hiện trường; khối lượng 0,1027 gam ma túy loại Methamphetamine này đã đủ định lượng cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, với khối lượng chất ma túy mà bị cáo đã 02 lần tàng trữ trái phép nhằm mục đích sử dụng như nêu trên đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, vì vậy hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của bị cáo thuộc tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm b khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh D** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là chưa đúng quy định của pháp luật, từ đó dẫn tới áp dụng hình phạt 01 năm 06 tháng tù đối với bị cáo là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 368/QĐ-VKS-P7 ngày 21/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng áp dụng điểm b khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận;

Xét thấy bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, phạm tội có tình tiết định khung tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, phạm tội có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm, thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn. Mặc dù bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân bị cáo thấy rằng bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng nhưng vẫn không từ bỏ được chất ma túy mà vẫn tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Căn cứ vào nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải áp dụng loại hình phạt theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tăng nặng hình phạt đối với bị cáo so với Bản án sơ thẩm đã tuyên, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 368/QĐ-VKS-P7 ngày 21/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, xử phạt bị cáo tù từ 05 năm đến 06 năm tù là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị Bản án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 368/QĐ-VKS-P7 ngày 21/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2024/HS-ST ngày 01-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh D 05 (năm) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm d khoản 1 Điều 11; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Minh D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc (3b);
- Công an và VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã N, huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông